

Số: 967/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 21 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt biện pháp tưới, tiêu, cấp nước thực hiện hỗ trợ kinh phí
sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

*Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về
sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy
định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính về
giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh
Vĩnh Long về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý khai thác
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;*

*Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh
Long về giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 trên địa bàn tỉnh
Vĩnh Long;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 246/TTr-STC ngày
19/5/2025,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt biện pháp tưới, tiêu, cấp nước thực hiện hỗ trợ kinh phí sử
dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 tỉnh Vĩnh Long cụ thể như
sau:

Diện tích được miễn: 282.222,96 ha

- Tưới tiêu bằng lợi dụng thủy triều: 254.647,11 ha

+ Lúa: 138.947,12 ha.

+ Mầu, cây công nghiệp ngắn ngày: 61.460,28 ha.

+ Cây ăn quả: 51.761,65 ha.

+ Thủy sản: 2.478,06 ha.

- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ: 27.575,85 ha

+ Lúa: 15.618 ha.

+ Mầu, cây công nghiệp ngắn ngày: 2.516,35 ha.

+ Cây ăn quả: 9.441,50 ha.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND Tỉnh;
- Phòng: TH, KT-NV;
- Lưu: VT, 57.TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH